

KẾT QUẢ SẢN XUẤT THỦ GIÓNG HOA THƯỢC DƯỢC TRỒNG CHẬU TDL-05

Bùi Thị Hồng¹, Ngô Hồng Bình¹,
Nguyễn Thị Thu Thùy¹ và CS

TÓM TẮT

Hoa thuốc dược (*Dahlia variabilis* Desh) có nguồn gốc từ México, hiện đang được trồng khá phổ biến ở Việt Nam, tuy nhiên chủ yếu là những giống để sử dụng với mục đích cắt cảnh, giống trồng chậu gần như chưa có. Trong những năm qua Viện Nghiên cứu Rau quả đã nghiên cứu tuyển chọn được giống hoa thuốc dược trồng chậu TDL-05. Giống thuốc dược TDL-05 có hoa màu vàng, 8-9 hoa/cây, thời gian sinh trưởng 85-90 ngày, chiều cao cây 30-33 cm, đường kính tán 29-32 cm, phù hợp với sinh thái ở các tỉnh phía Bắc, được người tiêu dùng và người sản xuất chấp nhận. Giống TDL-05 đã được đưa ra sản xuất thử tại các tỉnh/thành Hà Nội, Hưng Yên, Thái Nguyên trong các năm 2012-2013, kết quả cho thấy cây sinh trưởng, phát triển tốt, lợi nhuận đạt 13-20 triệu đồng/sào Bắc bộ /vụ. Hoa thuốc dược TDL-05 sinh trưởng phát triển tốt và đạt hiệu quả cao ở thời vụ trồng tháng 9, 10, giá thể phù hợp là 1/2 đất + 1/4 phân chuồng + 1/4 xi than hoặc trấu hun hoặc xơ dừa, tỷ lệ phân bón NPK là 20-20-10 thích hợp cho cây sinh trưởng, phát triển tốt.

Từ khóa: Hoa thuốc dược, hoa trồng chậu, sinh trưởng, phát triển.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoa thuốc dược (*Dahlia variabilis* Desh) có nguồn gốc từ México, hiện nay đang được trồng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới: Hoa Kỳ, Anh, Australia, Mexico, Tây Ban Nha,... Hoa thuốc dược cũng được người dân Việt Nam ưa chuộng và trồng khá phổ biến ở một số vùng trồng hoa trên cả nước để phục vụ nhu cầu của thị trường vào các dịp lễ, Tết và dùng làm dược liệu. Tuy nhiên, các giống thuốc dược được trồng ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là các giống cây cao, sử dụng với mục đích để cắt cảnh. Trong khi đó, ở Việt Nam hiện nay nhu cầu chơi hoa chậu đang có xu hướng tăng nhanh. Để góp phần đa dạng hóa sản phẩm hoa chậu ở Việt Nam, vấn đề chọn tạo các giống hoa trồng chậu nói chung và hoa thuốc dược trồng chậu nói riêng là cần thiết, nhằm đa dạng hóa về sản phẩm và mẫu mã. Xuất phát từ thực tế trên, trong những năm qua Viện Nghiên cứu Rau quả đã nghiên cứu và tuyển chọn được giống hoa thuốc dược trồng chậu TDL-05. Giống hoa thuốc dược TDL-05 khi đưa ra sản xuất thử tại một số vùng sinh thái các tỉnh phía Bắc đã được người sản xuất và người tiêu dùng chấp nhận.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu:

Giống sản xuất thử là giống thuốc dược trồng chậu TDL-05 đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT

công nhận theo Quyết định số 246/QĐ-TT-CLT ngày 13/6/2012.

2.2. phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Sản xuất thử giống thuốc dược TDL-05: Bố trí trong vụ đông năm 2012 và 2013 tại Hà Nội, Hưng Yên, Thái Nguyên. Quy mô năm 2012: 3.000 chậu, năm 2013: 8.000 chậu. Trên mỗi ruộng sản xuất chọn 5 điểm chéo góc, theo dõi 10 chậu trên mỗi điểm.

Quy trình trồng và chăm sóc hoa thuốc dược ở các mô hình sản xuất theo quy trình tạm thời của Viện Nghiên cứu Rau quả.

2.2.2. Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc hoa thuốc dược TDL-05

Thí nghiệm 1: Nghiên cứu ảnh hưởng của thời vụ trồng: Công thức 1: thời vụ 15/8; công thức 2: thời vụ 15/9; công thức 3: thời vụ 15/10; công thức 4: thời vụ 15/11.

Thí nghiệm 2: Nghiên cứu ảnh hưởng của giá thể trồng; Công thức 1: đất phù sa (đồi chưng); công thức 2: 1/2 đất phù sa + 1/4 phân chuồng + 1/4 xơ dừa; công thức 3: 1/2 đất phù sa + 1/4 phân chuồng + 1/4 xi than; công thức 4: 1/2 đất phù sa + 1/4 phân chuồng + 1/4 mùn cưa.

Thí nghiệm 3: Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ phân bón (qua gốc) (dùng phân Đầu Trâu); Công thức 1: tưới nước lã (đồi chưng); công thức 2: tỷ lệ 22-20-15 +TE; công thức 3: tỷ lệ 20-20-15+Te; công thức 4: Tỷ lệ: 20-10-15+Te.

Thí nghiệm 4: Nghiên cứu hiệu lực của một số loại thuốc hóa học đối với nhện hại. Công thức 1: Phun nước lã (đồi chưng); công thức 2: Pegasus 500EC; công thức 3: Ortus 5EC; công thức 4: Comite 73EC.

¹ Viện Nghiên cứu Rau quả

- Thí nghiệm 1 thực hiện năm 2012, các thí nghiệm 2, 3, 4 được bố trí ở thời vụ tháng 10/2012. Các thí nghiệm được bố trí tại Viện Nghiên cứu Rau quả theo khối ngẫu nhiên dày đủ 3 lần nhắc, mỗi ô thí nghiệm là 5 m² (tương đương với 20 chậu), mỗi chậu 1 cây. Các yếu tố phi thí nghiệm áp dụng theo quy trình trồng tạm thời.

- Số liệu thí nghiệm được xử lý thông kê bằng chương trình IRRISTAT 5.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả sản xuất thử giống hoa theroc dược trồng chậu TDL-05

Bảng 1. Một số đặc điểm sinh trưởng, phát triển của giống hoa theroc dược trồng chậu TDL-05 tại một số địa phương

Năm	Địa điểm	Tỷ lệ sống (%)	Số lượng mầm (mầm)	Kích thước tán (cm)*		Thời gian sinh trưởng (ngày) **
				CCC	ĐKT	
2012	Hưng Yên	89,1	6,6	31,1	30,1	80,3
	Thái Nguyên	90,2	6,0	31,7	29,5	83,7
2013	Hưng Yên	91,0	6,7	31,8	29,4	87,0
	Hà Nội	88,3	6,5	32,0	30,8	85,3
	Thái Nguyên	90,1	6,4	31,2	31,2	90,7

* CCC: chiều cao cây; ĐKT: đường kính tán

** Thời gian sinh trưởng được tính từ khi trồng đến ra hoa

- Về tỷ lệ sống và thời gian sinh trưởng của hoa theroc dược trồng chậu TDL-05: mặc dù có sự biến động giữa các năm và các địa điểm do có sự biến động về thời tiết, tuy nhiên mức độ biến động này không cao. Tỷ lệ sống chênh lệch 3-5% và đều đạt ở mức > 85%. Thời gian sinh trưởng dao động 80-90 ngày, trong đó ở Thái Nguyên thời gian sinh trưởng dài hơn ở Hưng Yên và Hà Nội 3-5 ngày, năm 2013 thời gian sinh trưởng dài hơn năm 2012 khoảng 7 ngày.

Bảng 2. Một số yếu tố cấu thành năng suất, chất lượng chậu hoa của giống theroc dược trồng chậu TDL-05 tại một số địa phương

Năm	Địa điểm	Tỷ lệ chậu ra hoa (%)	Tỷ lệ chậu đạt tiêu chuẩn xuất vườn (%)	Số hoa/chậu (hoa)	Độ bền chậu hoa (ngày)	Mức độ nhiễm nhện đỗ
2012	Hưng Yên	95,3	78,0	8,4	20,7	Cấp 1
	Thái Nguyên	93,6	87,2	8,1	20,3	Cấp 1
2013	Hưng Yên	95,3	86,0	7,8	20,3	Cấp 2
	Hà Nội	95,1	82,1	7,2	20,7	Cấp 1
	Thái Nguyên	93,2	86,3	7,3	20,0	Cấp 1

Giống hoa theroc dược trồng chậu TDL-05 được tuyển chọn từ tập đoàn giống theroc dược nhập nội năm 2009, đã được Bộ NN&PTNT công nhận là giống sản xuất thử năm 2012

Giống theroc dược TDL-05 có đặc điểm: hoa màu vàng, chiều cao cây 28-33 cm, đường kính tán 29-34 cm. Thời gian sinh trưởng 85-90 ngày, có 7-9 bông/chậu. Tỷ lệ chậu xuất vườn đạt 78-87%.

Trong các năm 2012-2013 giống hoa theroc dược TDL-05 được tiếp tục đưa ra sản xuất thử tại một số địa phương; kết quả đánh giá sinh trưởng, phát triển được trình bày ở bảng 1.

Trong các năm 2012-2013 giống hoa theroc dược TDL-05 được tiếp tục đưa ra sản xuất thử tại một số địa phương; kết quả đánh giá sinh trưởng, phát triển được trình bày ở bảng 1.

- Số lượng mầm trên cây là tiền đề tạo số lượng hoa sau này; tại các địa điểm, số lượng mầm dao động 6,1-6,7 mầm/chậu, trong đó tại Hưng Yên số mầm trong các năm đều đạt cao hơn so với các địa phương khác.

- Kích thước tán (đường kính và chiều cao) là yếu tố quyết định đến giá trị thẩm mỹ chậu hoa. Tại các nơi sản xuất, đường kính tán 30-35 cm và chiều cao tán 29-33 cm. Với kích thước trên, chậu hoa có mức độ cân đối về hình dáng cao.

- Tỷ lệ chậu ra hoa đạt tương đối cao ở tất cả các nơi trong các năm (93,2-95,3%). Tỷ lệ xuất vườn giữa các nơi và giữa các năm tuy có sự khác nhau, nhưng sự chênh lệch không lớn, dao động 78,0-87,2%.

- Các chỉ tiêu về số hoa/cây và độ bền hoa chậu giữa các nơi và các năm đạt 7,2-8,4 hoa/chậu và 20,0-20,7 ngày.

- Sâu bệnh hại chính trên cây theroc được là nhện đỏ (*Tetranychus cinnabarinus*), theo dõi mức độ hại trên cây cho thấy: năm 2012 ở cả các địa phương đều bị hại mức nhẹ (cấp 1). Năm 2013, tại Hưng Yên bị hại ở mức trung bình (cấp 2), còn Hà

Nội và Thái Nguyên bị hại ở cấp 1.

Đánh giá về hiệu quả kinh tế của giống TDL-05 ở bảng 3 cho thấy:

Chi phí đầu tư trồng chậu hoa theroc được ở các nơi là tương đương nhau, tuy nhiên do nhu cầu sử dụng và thị trường giữa các vùng và các năm khác nhau là khác nhau, nên giá bán có khác nhau. Ngoài ra do có tỷ lệ xuất vườn khác nhau, số lượng chậu khác nhau, nên tổng thu và lợi nhuận ở mỗi điểm là khác nhau. Nhưng nhìn chung hiệu quả kinh tế của giống TDL-05 tương đối cao, hiệu quả đầu tư (doanh thu/chi phí) đều đạt xấp xỉ 2 lần.

Bảng 3. So sánh hiệu quả kinh tế của giống hoa theroc được trồng chậu TDL-05 tại một số địa phương

Năm	Địa điểm	Số chậu trồng (chậu)	Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn xuất vườn (%)	Giá bán TB (1.000 đ/chậu)	Tổng thu (1.000 đ)	Tổng chi (1.000 đ)	Lợi nhuận (1.000 đ)	Lợi nhuận quy ra / 360 m ² (1.000 đ)	Hiệu quả đầu tư (lần)
2012	Hưng Yên	2.500	81,6	22	44.800	21.250	23.630	13.611	1,9
	Thái Nguyên	500	87,2	20	8.720	4.250	4.470	12.874	2,0
2013	Hưng Yên	2.500	86,0	22	47.300	21.250	26.050	15.005	1,8
	Hà Nội	5.000	90,5	25	113.125	42.500	70.650	20.340	1,7
	Thái Nguyên	500	86,3	20	8.630	4.250	4.380	12.614	2,0

Tóm lại: kết sản xuất thử ở các địa phương cho thấy giống theroc được trồng chậu TDL-05 có khả năng sinh trưởng, phát triển phù hợp với điều kiện trồng ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất. Vì vậy, có thể phát triển mở rộng sản xuất giống theroc được trồng chậu cho các năm tiếp theo.

3.2. Kết quả nghiên cứu xây dựng quy trình trồng chăm sóc hoa theroc được trồng chậu TDL-05

3.2.1. Ảnh hưởng của thời vụ trồng

Đối với cây hoa theroc được, lựa chọn thời điểm trồng phù hợp sẽ thuận lợi cho sinh trưởng của cây, giảm tỷ lệ hao hụt và tăng hiệu quả sản xuất. Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng của giống theroc được TDL-05 ở các thời vụ trồng cho thấy: Tỷ lệ sống của cây bị ảnh hưởng rõ ràng nhất, ở thời vụ tháng 10, 11 tỷ lệ sống đạt 90,7 - 91,2%, trong khi đó thời vụ tháng 8 chỉ đạt 78,3%, thời vụ tháng 9 đạt 86,4%.

Bảng 4. Ảnh hưởng của thời vụ trồng đến sinh trưởng, phát triển của hoa theroc được

Chi tiêu CTTN	Tí lệ sống (%)	Thời gian từ trồng đến ra hoa (ngày)	Số lượng mầm sau bấm ngọn (mầm/chậu)	Chiều cao cây (cm)	Đường kính tán (cm)	Tỷ lệ chậu xuất vườn (%)	Số hoa/ chậu (hoa)	ĐK hoa (cm)	Độ bền chậu hoa (ngày)
CT1	78,3	75	4,7	26,6	21,5	75,8	4,6	4,8	15

CT2	86,4	81	6,4	29,4	24,3	82,7	6,2	5,4	18
CT3	91,2	84	7,0	32,5	30,1	88,6	10,0	5,7	20
CT4	90,7	90	7,2	34,8	27,2	87,3	9,2	5,1	20
CV(%)			3,67	4,31	2,86		4,3	2,8	
LSD 5%			0,62	2,76	2,13		1,2	0,6	

Ghi chú : CT1: Thời vụ 15/8; CT2: Thời vụ 15/9; CT3: Thời vụ 15/10; Công thức 4: Thời vụ 15/11

Các chỉ tiêu về sinh trưởng của cây ở thời vụ tháng 8, 9 cũng kém hơn thời vụ tháng 10, 11, trong đó thời vụ tháng 8 là kém nhất, chỉ đạt 4,7 mầm, 26,6 cm chiều cao và 21,5 cm đường kính tán. Có thể thấy ở thời vụ tháng 10, 11 do nhiệt độ thấp nên ở thời điểm này trồng cây là rất tốt. Ở thời vụ tháng 8, do nhiệt độ cao không phù hợp với cây thược dược. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian từ trồng đến ra hoa của cây. Ở thời vụ sớm (tháng 8) cây nhanh ra hoa hơn (75 ngày sau trồng), thời vụ muộn (tháng 11) thời gian cây ra hoa chậm hơn (90 ngày).

- Tỷ lệ chậu đạt tiêu chuẩn vườn: do ảnh hưởng của tỷ lệ sống ở các thời vụ khác nhau nên tỷ lệ xuất vườn ở các thời vụ cũng rất khác nhau. Thời vụ trồng tháng 10, 11 đạt kết quả cao nhất là 87,3-88,6-%, tiếp đến là thời vụ tháng 9 đạt 82,7% và thấp nhất là thời vụ tháng 8 chỉ đạt 75,8%. Tỷ lệ chậu đạt tiêu chuẩn vườn chịu tác động của nhiều yếu tố, tuy nhiên có thể thấy yếu tố quan

trọng nhất là do tỷ lệ sống ở các thời vụ. Các chỉ tiêu về số hoa/cây và đường kính hoa, đặc biệt là độ bền hoa, ở thời vụ tháng 8 kém nhất, cao nhất là thời vụ trồng tháng 10, 11.

Như vậy hoa thược dược trồng ở thời vụ tháng 10, tháng 11 là phù hợp cho cây sinh trưởng, phát triển, tuy nhiên nếu trồng ở thời vụ tháng 10 thì thời điểm thu hoa vào đúng thời dịp Tết, nên hiệu quả sẽ cao hơn.

3.2.2. Ảnh hưởng của giá thể trồng

Giá thể là yếu tố rất quan trọng đối với các loại hoa chậu nói chung và hoa thược dược trồng chậu nói riêng. Những nghiên cứu về sinh trưởng và phát triển của thược dược đều cho rằng giá thể có vai trò quyết định đến tỷ lệ sống, khả năng sinh trưởng của cây (Trịnh Khắc Quang, Bùi Thị Hồng, 2011). Chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu trên các loại giá thể khác nhau, kết quả được trình bày ở các bảng 5.

Bảng 5. Ảnh hưởng của giá thể trồng đến sinh trưởng, phát triển của hoa thược dược trồng chậu TDL-05

Chi tiêu CTTN	Tỷ lệ sống (%)	Thời gian từ trồng đến ra hoa (ngày)	Số lượng mầm (mầm)	Chiều cao cây (cm)	Đường kính tán (cm)	Tỷ lệ chậu xuất vườn (%)	Số hoa/ chậu (chậu)	ĐK hoa (cm)	Độ bền hoa chậu (ngày)
CT1	85,3	83	5,7	27,6	24,5	70,5	7,6	4,8	20
CT2	91,4	91	6,3	35,4	26,3	83,7	9,2	5,4	20
CT3	89,2	90	6,9	32,5	30,1	85,6	11,0	5,7	20
CT4	90,7	90	6,2	34,8	27,2	82,3	9,5	5,1	20
CV(%)			3,7	4,3	2,8		4,3	2,8	
LSD 5%			0,5	2,2	2,0		1,2	0,6	

Ghi chú: CT1: Đất phù sa (DC); CT2: 1/2 đất + 1/4 phân chuồng + 1/4 xơ dừa; CT3: 1/2 đất + 1/4 phân chuồng + 1/4 xi than; CT4: 1/2 đất + 1/4 phân chuồng + 1/4 mùn cưa

Nghiên cứu khả năng sinh trưởng, phát triển của giống thược dược trồng chậu trên các loại giá thể khác nhau cho thấy :

- Tỷ lệ sống sau trồng ở các loại giá thể có tỷ lệ phối trộn với các thành phần (phân chuồng, xơ

dừa, mùn cưa) là tương đối cao, đạt xấp xỉ 90% và đều cao hơn đối chứng (đất phù sa) 4-5%, điều này cho thấy thược dược được trồng trên loại giá thể có tính透气 giúp dễ phát triển tốt hơn, nâng cao tỷ lệ sống.

- Khả năng sinh trưởng của cây sau trồng được thể hiện qua khả năng bột mầm và sự tăng trưởng chiều cao cây và đường kính tán cho thấy: Số lượng mầm ở các công thức 2, 3, 4 đều cao hơn công thức đối chứng, trong đó cao nhất ở công thức 3 (giá thể có tỷ lệ phôi trộn đất phù sa với phân chuồng và xi than). Sự sinh trưởng chiều cao cây ở công thức 3 cũng cao hơn công thức đối chứng nhưng lại thấp hơn công thức 2, 4. Tuy nhiên đường kính tán ở công thức 3 lại đạt cao nhất 30,1 cm, ở công thức 2, 4 đạt 26,3-27,2 cm, đường kính tán ở công thức đối chứng là thấp nhất, chỉ đạt 24,5 cm. Đôi với cây hoa thược dược trồng chậu thì chi tiêu đường kính tán là rất quan trọng không những thể hiện được khả năng sinh trưởng của cây mà còn quyết định đến năng suất hoa và giá trị thẩm mỹ của cây sau này.

Năng suất và chất lượng hoa chậu trên các loại giá thể cho thấy :

- Tỷ lệ chậu đạt tiêu chuẩn xuất vườn có sự biến động tương đối lớn. Các công thức có sử dụng loại giá thể phôi trộn để có tỷ lệ xuất vườn

Bảng 6. Ảnh hưởng của phân bón đến sinh trưởng, phát triển của thược dược

Chi tiêu CTTN	Thời gian từ trồng đến ra hoa (%)	Số lượng mầm sau bấm ngọn (mầm)	Chiều cao cây (cm)	Đường kinh tán (cm)	Số hoa/chậu (hoa)	ĐK hoa (cm)	Độ bền hoa chậu (ngày)
CT1	85	6,0	30,7	27,6	8,6	5,2	20
CT2	90	6,6	35,3	30,0	9,4	5,9	18
CT3	90	6,9	34,5	33,4	10,7	6,7	20
CT4	90	6,8	34,6	31,2	10,5	6,1	20
CV(%)		3,2	3,7	3,2	4,3	2,8	
LSD 5%		0,5	2,2	2,1	1,2	0,6	

Ghi chú: CT1(D/c); CT2 (22-20-15); CT3 (20-20-15+Te); CT4 (20-10-15+Te)

(các bảng trên không theo dõi ra hoa 50%. Lưu ý số hoa và số mầm)

Kết quả ở bảng 6 cho thấy: so với đối chứng, ở các công thức bón phân cây đều có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt hơn, thể hiện ở số lượng mầm trên cây ở các công thức sử dụng phân bón dao động 6,6-6,9 mầm/cây, công thức đối chứng số lượng mầm đạt 6,0 mầm/cây.

- Chiều cao cây và đường kính tán giữa các công thức sử dụng phân bón cũng cao hơn đối chứng, chiều cao cây dao động 30,7-35,3 cm. Tuy nhiên đường kính tán ở công thức 3 sử dụng NPK tỷ lệ 20-20-15 là cao nhất, đạt 33,4 cm. Ở công thức 2 và 4 dao động 30,0-31,2 cm.

Phân bón ngoài ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về

cao hơn công thức đối chứng 12-15%, cao nhất ở CT3 đạt 85,6%.

- Số hoa trên chậu có sự biến động lớn ở các công thức, số hoa trên chậu ở công thức 1 thấp nhất, đạt 7,6 hoa. Ở các công thức 2, 3, 4 đạt 9,2-11,0 hoa. Trong đó số hoa ở công thức 3 là cao nhất (11,0 hoa). Đường kính hoa và độ bền hoa chậu giữa các công thức không có sự biến động nhiều.

- Như vậy, giá thể đã ảnh hưởng lớn đến khả năng sinh trưởng của cây thược dược, giá thể tơi xốp cây sẽ bén rễ nhanh, sinh trưởng tốt và cân đối. Tỷ lệ cây ra hoa cũng đạt cao hơn, trong đó loại giá thể 1/2 đất + 1/4 phân chuồng + 1/4 xi than (CT3) là tốt nhất cho cây thược dược.

3.2.3. Ảnh hưởng của tỷ lệ phân bón (tưới gốc)

Để xác định tỷ lệ phân bón thích hợp nhất với cây thược dược trồng chậu chúng tôi sử dụng phân Đầu trâu với tỷ lệ khác nhau và đối chứng là không bón.

sinh trưởng, phát triển của cây thược dược thì các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng chậu hoa cũng có sự khác biệt.

- Số hoa trên cây và đường kính bông hoa ở các công thức có sử dụng phân bón đều cao hơn công thức đối chứng.

3.2.4. Nghiên cứu hiệu lực của một số loại thuốc hóa học đối với nhện hại cây thược dược TDL-05

Nhện hại trên cây thược dược rất thường gặp. Mức độ gây hại của chúng khá lớn, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng của chậu hoa. Như vậy, xác định được loại thuốc trừ nhện vừa đạt hiệu quả

phòng trừ vừa hiệu quả về mặt kinh tế và mức độ ảnh hưởng của thuốc đến môi trường ít nhất là một vấn đề quan trọng.

Kết quả nghiên cứu tác dụng của một số loại thuốc hóa học trên nhện hại thực dược cho thấy:

Mật độ nhện hại 1 ngày trước phun không có sự khác biệt nhiều giữa các CT, dao động 15-20 con/m².

Hiệu lực của các loại thuốc BVTV ở bảng 7

Bảng 7. Hiệu lực của một số loại thuốc hóa học đối với nhện hại trên cây hoa thực dược TDL-05

CT	Chi tiêu Mật độ (con /m ²)*	Mật độ nhện hại sau phun (con/m ²)			Hiệu lực trừ nhện (%) sau phun			Độc tính	Mùi	Lưu mùi lại môi trường (ngày)
		3 ngày	5 ngày	10 ngày	3 ngày	5 ngày	10 ngày			
CT1	16	23	24	28	-	-	-	Không	-	0
CT2	19	9	4	6	52,63	78,9	68,4	Cấp 2	Nhẹ	2
CT3	17	10	5	7	41,17	70,6	58,8	Cấp 3	Hắc	5
CT4	15	8	4	5	46,7	73,0	66,6	Cấp 2	Hắc	5

*Ghi chú: * Mật độ nhện hại trước phun 1 ngày (con/m²)*

CT1-Đối chứng; CT2-Pegasus 500EC; CT3-Ortus 5EC; CT4-Comite 73EC

Sau 10 ngày phun thì hiệu lực của cả 3 loại thuốc hóa học đều bắt đầu giảm dần và cao nhất vẫn là ở CT2 (Pegasus 500EC) đạt 80,7%.

Cả 3 loại thuốc hóa học sử dụng trong thí nghiệm đều có hiệu lực rất tốt đối với nhện hại cây thực dược trồng chậu. Tuy nhiên, có thể thấy thuốc Pegasus 500EC trừ nhện rất tốt mà độ độc ở cấp 2, mùi nhẹ và thời gian lưu mùi lại ở môi trường ngắn chỉ 2 ngày.

Như vậy: Thuốc Pegasus 500EC để phòng trừ nhện hại trên cây thực dược trồng chậu vừa đem lại hiệu quả tốt đối với cây lại ít gây ô nhiễm môi trường.

Nhận xét: Như vậy, sử dụng giá thể 1/2 đất phù sa + 1/4 phân chuồng và 1/4 xi than, phân bón rễ Đầu trâu có tỷ lệ là 20-20-15+Te là phù hợp cho sinh trưởng của cây hoa thực dược TDL-05. Sử dụng thuốc Pegasus 500EC có hiệu quả phòng trừ nhện hại tốt nhất cho giống thực dược TDL-05.

4. KẾT LUẬN

Giống hoa thực dược trồng chậu TDL-05 được tuyển chọn từ tập đoàn giống thực dược nhập nội năm 2009, đã được Bộ NN&PTNT công nhận là giống sản xuất thử năm 2012.

Năm 2012-2013 đưa giống thực dược trồng

cho thấy sau 3 ngày phun thì hiệu lực của 2 loại thuốc Pegasus 500EC và Comite 73EC đều đạt trên 63%, còn thuốc Ortus 5EC chỉ đạt 51,7%. Sau 5 ngày phun ở các CT có sử dụng thuốc hóa học đều đạt hiệu lực tối đa, cao nhất là CT2 (Pegasus 500EC) đạt 84,3%, tiếp đến là CT4 (Comite 73EC) đạt 80,4%, còn CT3 (Ortus 5EC) chỉ đạt 77,8%.

Bảng 7. Hiệu lực của một số loại thuốc hóa học đối với nhện hại trên cây hoa thực dược

TDL-05

chậu TDL-05 ra sản xuất thử tại các tỉnh, thành Hà Nội, Hưng Yên, Thái Nguyên, kết quả cho thấy cây sinh trưởng, phát triển tốt, đạt 8-9 hoa/cây, thời gian sinh trưởng 85-90 ngày, chiều cao cây 30-33 cm, đường kính tán 29-32 cm, lợi nhuận đạt 15-18 triệu đồng/sào Bắc bộ/vụ, hiệu quả đầu tư xấp xỉ 2 lần.

Hoa thực dược TDL-05 thích hợp trồng trong vụ đông (tháng 10, 11), giá thể phù hợp là 1/2 đất + 1/4 phân chuồng + 1/4 xi than, tỷ lệ phân bón Đầu Trâu là 20-20-15+Te. Để trị nhện đỏ hại cây nên sử dụng thuốc Pegasus 500EC vừa có hiệu quả phòng trừ cao lại vừa ít độc đến môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trịnh Khắc Quang và Bùi Thị Hồng (2011). *Nghiên cứu tuyển chọn giống và biện pháp kỹ thuật sản xuất một số chủng loại hoa chậu có giá trị cao ở các tỉnh phía Bắc*. Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học. Viện Nghiên cứu Rau quả.

2. Trịnh Khắc Quang và Bùi Thị Hồng (2012). *Kết quả tuyển chọn giống hoa thực dược trồng chậu TDL-03 và TDL-05*. Số 68-73 chuyên đề giống CTVN-tập 1, tháng 6 năm 2012. Tạp chí NN&PTNT (ISN-1859-4581).

3. Dietz, Deborah ed, (2009). Dahlia Genetics: Whence and Whither?. *Dahlia Society of America Newsletter*.

4. William B. Miller and Cheni Filios (2010). *Producing Potted Dahlias and Review of Cornell Dahlia Growth Regulator Trials*.

THE TRIAL PRODUCTION RESULTS OF TDL-05 DAHLIA FLOWERPOOT VARIETY

Bui Thi Hong, Ngo Hong Binh, Nguyen Thi Thu Thuy and CS

Summary

Dahlia variabilis Dush that was originated from Mexico is now widely growing in Vietnam, but most varieties are used for the purpose of cut flowers and there is nearly no *Dahlia* varieties used for the purpose of flowerpots. In recent years, the Fruit and Vegetable Research Institute has studied and selected TDL-05 *Dahlia* flowerpot. The TDL-05 *Dahlia* variety, flowers are yellow with 7-8 flowers/plant, growth duration is 80-90 days, plant height is 30-33 cm and canopy diameter is 29-32 cm; this variety is consistent with ecology of Northern provinces and accepted by the producers and consumers. TDL-05 variety has been grown for trial production in the provinces of Ha Noi, Hung Yen and Thai Nguyen in 2012 and 2013, the results showed that this variety sturdily grew and developed, the profit got 15-18 million VND/360 m²/a growing season, investment efficiency was over 2 times. TDL-05 *Dahlia* flowers should be planted in the crop of September and October to get sturdy growth, development and high efficiency, the suitable potting medium is ½ soil + ¼ manure + ¼ coal slag/burned husk/coir, the ratio of 20-20-10 NPK fertilizers is appropriate for the plant growing and developing healthily.

Keywords: *Dahlia variabilis* Dush, flowerpots, growth, development.

Người phản biện: GS.TS. Hoàng Minh Tân

Ngày nhận bài: 5/12/2014

Ngày thông qua phản biện: 5/1/2015

Ngày duyệt đăng: 12/1/2015

Dahlia flowerpot TDL-05

TDL-05 Dahlia flowerpot is a new variety of Dahlia flowerpot selected by the Fruit and Vegetable Research Institute, Vietnam Academy of Agricultural Sciences. This variety is consistent with the ecological conditions of the northern provinces of Vietnam. It has yellow flowers, 7-8 flowers per plant, growth period is 80-90 days, plant height is 30-33 cm, canopy diameter is 29-32 cm. It is a good variety for flowerpot production.

Dahlia flowerpot TDL-05 has been cultivated in the provinces of Ha Noi, Hung Yen and Thai Nguyen. The results show that this variety grows well and produces flowers. The yield is about 15-18 million VND/360 m²/a growing season. The investment efficiency is more than 2 times. The flowers should be planted in September and October to get good growth, development and high efficiency.